TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 - PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **06/**2026/HNGĐ-ST
Ngày: 15/01/2026
V/v: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 -PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Duyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Việt Tú

2. Ông Trần Văn Hòa

- *Thư ký phiên toà*: Bà Hà Thị Cẩm Vân - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 6 - Phú Thọ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Phú Thọ tham gia phiên tòa*: Ông Trần Xuân Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 15/01/2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 6 - Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 87/2025/TLST- HNGĐ ngày 01/10/2025 về việc "Tranh chấp Hôn nhân gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2025; Thông báo về việc mở lại phiên tòa số: 46/2025/QDST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2025

Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Khu V, xã T, tỉnh Phú Thọ.

(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Anh Nguyễn Đăng T, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Khu M, xã Y, tỉnh Phú Thọ.

(Vắng mặt lần 2 không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Toà án, nguyên đơn chị Hoàng Thị H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Đăng T kết hôn ngày 10/02/2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Y, tỉnh Phú Thọ (Nay là UBND Y, tỉnh Phú Thọ). Trước khi kết hôn vợ chồng được tự nguyện tìm hiểu nhau. Sau khi kết hôn vợ chồng có chung sống tại nhà chồng ở xã Hưng Long, huyện Y (nay là xã Y, tỉnh Phú Thọ). Cuộc sống vợ chồng hòa thuận được đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chồng và gia đình nhà chồng thường xuyên chửi bới, đánh đập chị nên chị đã về nhà mẹ đẻ ở T sinh sống từ tháng 12/2016 và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, hiện

nay chị đi làm ăn xa. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin ly hôn anh T.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Bá T, sinh ngày 03/11/2011 và cháu Nguyễn Bá N, sinh ngày 21/11/2014. Hiện nay cả hai con chung đang học tập, sinh sống ổn định cùng bố và ông bà nội ở Y. Khi ly hôn chị nhất trí giao hai con chung anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và nhất trí cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh T là 2.000.000đ/01 con chung/01 tháng, cả 02 con chung là 4.000.000đ/02 con chung/01 tháng kể từ khi ly hôn đến khi từng con chung thành niên, vì hiện nay chị đi làm thuê, chỗ ở không ổn định, không bảo đảm cho các cháu được việc học tập.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn - anh Nguyễn Đăng T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án để làm việc nên không có quan điểm về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Để có căn cứ giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tại UBND xã Y kết quả như sau: Chị Hoàng Thị H và anh Nguyễn Đăng T có đăng ký kết hôn 10/02/2011 tại UBND xã H, huyện Y, tỉnh Phú Thọ (Nay là UBND xã Y, tỉnh Phú Thọ). Anh T là công dân có có hộ khẩu thường trú tại khu M, xã Y, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân cụ thể như thế nào địa phương không nắm được vì anh chị không qua hòa giải ở cơ sở. Chịđi làm ăn xa không có mặt tại địa phương, vợ chồng anh T, chị H sống ly thân từ đó đến nay. Tòa án phối hợp với chính quyền địa phương đến nhà anh T làm việc nhưng gia đình không hợp tác làm việc. Nay chị H xin ly hôn anh T, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về con chung: Anh T và chị H có 02 con chung là cháu Nguyễn Bá T, sinh ngày 03/11/2011 và cháu Nguyễn Bá N, sinh ngày 21/11/2014. Hiện nay cả hai con chung đang ở cùng anh T và ông bà nội ở địa phương. Khi ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản trình bày ngày 28/10/2025 và ngày 13/01/2026 cháu Nguyễn Bá T và cháu Nguyễn Bá N (con chung của chị H và anh T) trình bày: Mẹ các cháu là Hoàng Thị H đi làm ăn xa từ từ lâu, không biết mẹ làm ở đâu. Thời gian mẹ cháu đi làm ăn các cháu ở nhà cùng với bố và ông bà nội. Các cháu chỉ biết mẹ có gửi tiền về cho các cháu đi học. Nay bố mẹ cháu mâu thuẫn, các cháu đều có nguyện vọng xin được ở với bố vì các cháu ở nhà quen rồi, đã lâu mẹ cháu chưa về thăm các cháu.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa thực

hiện đúng quy định pháp luật. Đối với các đương sự, nguyên đơn đã chấp hành đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình; đối với bị đơn đã vi phạm khoản 15, 16 Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; căn cứ khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị H.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Hoàng Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Đăng T.

- Về con chung: Giao cả 02 (hai) con chung là cháu Nguyễn Bá T và cháu Nguyễn Bá N cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục kể từ khi ly hôn đến khi từng con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Chị Hoàng Thị H có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh T là 2.000.000đ/01 con chung/01 tháng, cả 02 (hai) con chung là 4.000.000đ/02 con chung/01 tháng kể từ khi ly hôn tới khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Phương thức cấp dưỡng theo tháng.

Người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

- Tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp: Chị Hoàng Thị H không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Hoàng Thị H là dân tộc thiểu số cư trú ở nơi có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn có đơn xin miễn án phí nên được miễn tiền án phí ly hôn sơ thẩm và tiền án phí cấp dưỡng nuôi con. Hoàn trả lại cho chị Hoàng Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" giữa chị Hoàng Thị H và anh Nguyễn Đăng T. Bị đơn là anh Nguyễn Đăng T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu M, xã Y, tỉnh Phú Thọ. Nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6, tỉnh Phú Thọ.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, chị H cón đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Đăng T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng

mặt, HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự là phù hợp pháp luật.

[3] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị H và anh Nguyễn Đăng T có đăng ký kết hôn ngày 10/02/2011 tại UBND xã H, huyện Y, tỉnh Phú Thọ (Nay là UBND Y, tỉnh Phú Thọ), hai bên tự nguyện tìm hiểu, không bị ép buộc. Đây là hôn nhân tự nguyện, tiến bộ, phù hợp với các quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chị H cho rằng chồng và gia đình nhà chồng thường xuyên chửi bới, đánh đập chị nên chị đã về nhà mẹ đẻ ở T sinh sống từ tháng 12/2016 và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, hiện nay chị đang đi làm ăn xa.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương cung cấp thông tin, quá trình chị H và anh T chung sống có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể là gì thì địa phương không nắm được vì anh chị không qua hòa giải ở địa phương. Anh chị sống ly thân từ 2016 đến nay. Hiện nay chị H đi làm ăn xa không có ở địa phương. Từ đó có thể thấy, mâu thuẫn của chị H và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, việc chị H đề nghị xin được ly hôn anh T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần được chấp nhận.

Về con chung: Vợ chồng có 02 (hai) con chung là cháu Nguyễn Bá T, sinh ngày 03/11/2011 và cháu Nguyễn Bá N, sinh ngày 21/11/2014. Hiện nay cả hai con chung ở cùng bố và ông bà nội tại địa phương. Khi ly hôn chị H nhất trí giao cả (02) hai con chung là Nguyễn Bá T và Nguyễn Bá N cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng và chị nhất trí cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh T là 2.000.000đ/01 con chung/01 tháng, cả 02 (hai) con chung là 4.000.000đ/02 con chung/01 tháng kể từ khi ly hôn tới khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện nay cả hai con chung đang sinh sống, học tập ổn định cùng anh T và ông bà nội tại Y, còn chị H đi làm ăn xa, không có mặt tại địa phương, không có công việc và chỗ ở ổn định. Do vậy, để đảm bảo cuộc sống của các cháu không bị xáo trộn và trên cơ sở xem xét nguyện vọng của 02 con chung, nên cần tiếp tục giao cả hai con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh T là 2.000.000đ/01 con chung/01 tháng, cả 02 (hai) con chung là 4.000.000đ/02 (hai) con chung/01 tháng kể từ khi ly hôn tới khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) là phù hợp quy định pháp luật và thực tiễn cuộc sống của các đương sự hiện nay.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp gia đình: Chị Hoàng Thị H không đề nghị Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con: Chị Hoàng Thị H là dân tộc thiểu số cư trú ở nơi có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn án phí nên được miễn tiền án phí ly hôn sơ thẩm và tiền án phí cấp dưỡng nuôi con. Hoàn trả lại cho chị Hoàng Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; căn cứ khoản 4 Điều 147; điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271; khoản 1 và khoản 3 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Hoàng Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Đăng T.

2. Về con chung: Giao cả 02 (hai) con chung là cháu Nguyễn Bá T, sinh ngày 03/11/2011 và cháu Nguyễn Bá N, sinh ngày 21/11/2014 cho anh Nguyễn Đăng T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục kể từ khi ly hôn đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Chị Hoàng Thị H có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh T là 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/01 con chung/01 tháng, cả 02 (hai) con chung là 4.000.000đ (Bốn triệu đồng)/02 con chung/01 tháng kể từ khi ly hôn đến khi từng con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Hoàng Thị H là dân tộc thiểu số cư trú ở nơi có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn án phí nên được miễn tiền án phí ly hôn sơ thẩm và tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Hoàn trả lại cho chị Hoàng Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0002550 ngày 29/9/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi

hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND khu vực 6 - Phú Thọ;
- TAND tỉnh Phú Thọ;
- Thi hành án DS tỉnh Phú Thọ;
- Phòng thi hành án KV 6- Phú Thọ;
- Đương sự;
- Lưu HSVA, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Duyên